

Số: 265/2023/QĐST-HNGĐ

Hà Nội, ngày 15 tháng 12 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Căn cứ vào điều 144; khoản 2 điều 149; điều 150; điều 212; điều 213 và điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điều 54, điều 55; điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý 283/2023/TB-HNGĐST ngày 06 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông **Nguyễn Văn T**, sinh ngày 14/9/1966.

Hộ chiếu số: C9494xxx do Đại sứ quán Việt Nam tại Cộng hòa Séc cấp ngày 23/2/2022

Nơi cư trú: Jar.Foglara.22xx Kladno.27xxx – Cộng hòa Séc.

Tạm trú tại Việt Nam: TDP P, phường A, quận D, thành phố Hải Phòng.

- Bà **Nguyễn Thị P**, sinh ngày 20/7/1964.

Hộ khẩu thường trú và nơi ở hiện nay: P2A3 tổ 36 phường P, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 12 năm 2023.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 12 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Cụ thể:

[1] Về tình cảm: Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị P đăng ký kết hôn ngày 05/08/1996 tại Đại sứ quán Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Cộng hoà Séc trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do các bên bất đồng về quan điểm sống và tính cách không hợp. Nay hai người cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Toà án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng không hòa giải được, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu thuận tình ly hôn của hai bên là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình nên cần được chấp nhận.

[2] Về con chung: Xác nhận ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị P có 01 con chung là Nguyễn Văn H, sinh ngày 24/10/1997. Do con chung đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị P xác nhận không có nên Tòa án không xem xét.

[4] Về lệ phí: Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị P mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị P đã nộp xong tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/23, số 0022842 ngày 05/12/2023 của Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận sự thuận tình ly hôn của ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị P.

Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị P được ly hôn.

- *Về con chung:* Xác nhận ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị P có 01 con chung là Nguyễn Văn H, sinh ngày 24/10/1997. Do con chung đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

- *Về tài sản chung:* Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị P xác nhận không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị P mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị P đã nộp xong tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/23, số 0022842 ngày 05/12/2023 của Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *Viện kiểm sát nhân dân TP Hà Nội;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

Nguyễn Hồng Lam